

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01 /2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Như - Thư ký Tòa án nhân dân
THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

Ngày 22/01/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim S, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 9, phường Q, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 1, thôn A, xã N, huyện T, TỈNH N.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Phạm Minh H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 9, phường Q, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N.

Chị S có mặt; anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2020, bản tự khai ngày 22/6/2020, ngày 05/01/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Kim S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Bùi Phạm Minh H trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu với nhau, sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q vào ngày 10/02/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên cờ bạc, sống không có trách nhiệm với vợ con, anh H đánh đập chị S nhiều lần, chị S không chịu nổi những trận đòn của anh nên chị S bỏ về nhà cha mẹ để chị S để sinh sống mà không kịp mang theo những vật dụng cá nhân. Vì thương các con còn nhỏ nên chị S đã cố gắng nhẫn nhịn, khuyên răn anh H và hy vọng anh H sẽ thay đổi nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy. Vì anh H không thay đổi, chị S không còn tình cảm gì với anh H nên chị S xin ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị S và anh H có 02 con chung tên là BÙI NỮ MINH H sinh ngày 16/01/2007 và BÙI NỮ MINH H1, sinh ngày 20/01/2015. Khi ly hôn chị S yêu cầu được nuôi cháu H1, giao cháu H cho anh H nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết

- Về nợ chung: Chị S khai không có nợ tài sản của ai.

Bị đơn anh Bùi Phạm Minh H vắng mặt trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và cũng không có văn bản yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần tố tụng dân sự: Chị Lê Thị Kim S có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Bùi Phạm Minh H có địa chỉ tại Tổ 9, phường Q, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N. Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q, TỈNH N đã thụ lý vụ án đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, anh Bùi Phạm Minh H vắng mặt lần thứ hai và không có lý do, không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng pháp luật theo điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim S và anh Bùi Phạm Minh H có quen biết tìm hiểu và đi đến cuộc sống hôn nhân, có đăng ký kết hôn lại và được Ủy ban nhân dân phường Q, THÀNH PHỐ Q được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/2/2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị S và anh H không tin tưởng nhau, không hòa hợp trong tính tình, cách sống nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tại các bản tự khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, chị S khai trong cuộc sống vợ chồng chị và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn vì chị và anh H bất đồng ý kiến, quan điểm sống, anh H ham chơi, không chăm lo cuộc sống gia đình, và còn vũ phu đánh chị, mâu thuẫn cứ thế ngày càng tăng dần cả hai không giải quyết được. Chị S và anh H không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, phần ai nấy sống, có lần quá khiếp sợ về việc bị anh H đánh nên chị S đã dẫn đưa con nhỏ về nhà cha mẹ đẻ của chị S sinh sống từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương mâu thuẫn vợ chồng của chị S và anh H là do anh H không lo làm ăn, chăm lo gia đình mà lại rượu chè bài bạc đánh đập vợ con. Khi Tòa thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị S, anh H không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không có văn bản yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì, điều này chứng tỏ anh H không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị S. Tại phiên tòa, chị S vẫn yêu cầu được ly hôn anh H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S về việc xin ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị S và anh H có 02 con chung tên là BÙI NỮ MINH H sinh ngày 16/01/2007 và BÙI NỮ MINH H1, sinh ngày 20/01/2015. Tại đơn khởi

kiện và tại phiên tòa chị Sang yêu cầu được nuôi cháu H1, giao cháu H cho anh H nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy chị S làm việc tại bộ phận cấp dưỡng bán trú của trường, mức lương 4.500.000 đồng mỗi tháng, anh H làm nghề thợ hồ, mức lương không cố định. Cháu H có đơn trình bày nguyện vọng được ở với anh Sang vì cháu H hiện tại học lớp 8, đang sinh sống với anh H cùng ông bà nội cháu H, nhà ông bà nội ở gần trường để ổn định việc học tập được anh H và ông nội cháu H xác nhận. Xét nguyện vọng được nuôi một con tên là cháu H1 của chị S là chính đáng, phù hợp với điều kiện sinh sống của chị S, phù hợp với điều kiện sinh sống của anh H, điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu H. Do đó, dựa trên quyền lợi mọi mặt của hai cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu BÙI NỮ MINH H sinh ngày 16/01/2007 cho anh H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu BÙI NỮ MINH H1, sinh ngày 20/01/2015 cho chị S được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng không bên nào cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có đơn yêu cầu về chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Lê Thị Kim S khai không có nợ tài sản của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Kim S phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004530 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ vào:** Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 147, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim S được ly hôn anh Bùi Phạm Minh H.

- Giao cháu BÙI NỮ MINH H sinh ngày 16/01/2007 cho anh Bùi Phạm Minh H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu giao cháu BÙI NỮ MINH H1, sinh ngày 20/01/2015 cho chị S được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim S phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004530 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ Q.

Chị Lê Thị Kim S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Bùi Phạm Minh H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TỈNH N;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Toàn – Lê Minh Hưng

Trần Thị Túc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Cao Trung – Ngô Thị Mai Du

Trần Thị Túc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Cao Trung – Ngô Thị Mai Du

Trần Thị Túc

Trần Thị Túc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bà Hồ Thị Ngọc Duyên- Bà Bùi Thị Thùy

Trần Thị Túc

